

Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Ngày 14 - 01 - 2020

“V/v khiếu kiện quyết định hành chính nghỉ việc để hưởng chế độ và yêu cầu bồi thường thiệt hại”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Trường

Các Thẩm phán: Ông Mai Xuân Thành

Bà Lê Thúy Cầu

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thanh Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Lê Phước Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 223/2019/TLPT-HC ngày 13 tháng 11 năm 2019 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính nghỉ việc để hưởng chế độ và yêu cầu bồi thường thiệt hại”, do Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2019/HC-ST ngày 07 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 66/2019/QĐ-PT ngày 23 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông **Thi Văn H**, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ 14, thôn 3, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Lý Vinh
H1, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông **Nguyễn Văn H2**, Phó Chủ tịch UBND huyện T (Văn bản ủy quyền số: 817/UBND-VP ngày 30/7/2019). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông **Hồ Văn M**, Phó Trưởng phòng Nội vụ huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ủy ban nhân dân xã B; người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Tấn Th, Chủ tịch UBND xã B, là người đại diện theo pháp luật. Có mặt.

2/ Ông Huỳnh Văn S, nguyên Chủ tịch UBND xã B. Có mặt.

3/ Ông Nguyễn Tấn D, nguyên Chánh Văn phòng UBND xã B. Có mặt.

4/ Ông Bùi Ngọc H3, nguyên quyền Chủ tịch UBND xã B. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Thi Văn H (là người khởi kiện).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện là ông Thi Văn H trình bày:

Tháng 02/1992, ông Thi Văn H được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T tuyển dụng vào làm việc tại UBND xã B, giữ chức vụ Xã đội phó. Trong thời gian công tác, vào ngày 22/01/1999 cơ quan Xã đội bị mất súng (vũ khí) nên ông phải bàn giao công việc lại cho UBND xã để đi phục vụ công tác của phòng An ninh điều tra - Quân khu 5 và Ban chỉ huy quân sự huyện T, với thời gian là 46 ngày. Sau khi phục vụ công tác điều tra, ông trở về địa phương yêu cầu bố trí công tác nhưng không được UBND xã B chấp nhận. Tuy nhiên, ông vẫn được nhận phụ cấp đến hết tháng 8/1999. Sau đó, UBND xã B cắt phụ cấp hằng tháng và ông không nhận được bất kỳ văn bản nào liên quan đến phụ cấp và việc làm của ông.

Ngày 12/3/2001, ông H làm đơn yêu cầu UBND xã B chi trả 19 tháng phụ cấp nhưng ông Huỳnh Văn S (nguyên là Chủ tịch UBND xã B lúc đó) trả lời: *“Khi ông S nhận chức vụ Chủ tịch UBND xã thì không có tên ông trong danh sách cán bộ”*. Cách vài ngày sau đó, UBND xã có cử người tới nhà giao cho ông Quyết định số 26/QĐ-UB ngày 03/7/1999, ông H có ghi ngày nhận phía sau tờ Quyết định. Quyết định này do ông Bùi Ngọc H4, quyền Chủ tịch UBND xã B ký tên và đóng dấu là sai với quy định của pháp luật, vì UBND xã không phải là người tuyển dụng ông. Nhưng lúc đó do thiếu hiểu biết pháp luật nên ông H đã cả tin vào cán bộ Xã.

Sau đó, ông H đã nộp Quyết định số 26/QĐ-UB cho UBND xã B để chuyển cho phòng Bảo hiểm xã hội huyện T. Ngày 20/11/2001, ông H mới làm đơn xin giải quyết chế độ nghỉ việc một lần và được giải quyết 07 năm công tác bằng 07 tháng lương. Đến tháng 3/2018, ông H đến Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Nam xin sao lục tài liệu, sau 03 ngày thì Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Nam gửi cho ông Quyết định nghỉ việc số 1306/QĐ-CT ngày 29/10/2002 của Chủ tịch UBND huyện

T ký tên đóng dấu chứ không phải là Quyết định số 26/QĐ-UB của UBND xã B do ông Bùi Ngọc H4 ký tên đóng dấu trước đây. Đối chiếu với các văn bản hồ sơ của UBND xã B và hồ sơ văn bản liên quan của Chủ tịch UBND huyện T, ông nhận thấy trước đây UBND xã B cố ý làm trái với quy định của Nhà nước, buộc ông thôi việc không có lý do chính đáng, còn UBND huyện T thì tranh thủ thời cơ (*việc sai trái của UBND xã B*) để kéo dài thời gian và chiếm đoạt 38 tháng tiền lương của ông, sau đó mới ban hành Quyết định 1306/QĐ-CT ngày 29/10/2002 chuyển lên Bảo hiểm xã hội chứ không giao quyết định đó cho ông nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 1306/QĐ-CT ngày 29/10/2002 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Quảng Nam về “*Nghỉ việc để hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội (BHXH) đối với cán bộ xã, phường*”;

- Buộc Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Quảng Nam bồi thường thiệt hại quá trình công tác của ông Thi Văn H từ tháng 9/1999 đến nay để trả lương, đóng Bảo hiểm xã hội và phục chức cho ông H.

2. Ý kiến của người bị kiện:

Ngày 20/4/2018, UBND huyện T nhận được đơn khiếu nại của ông Thi Văn H khiếu nại về việc “*Bản thân ông chưa được UBND huyện xem xét giải quyết chế độ phụ cấp từ tháng 9/1999 đến tháng 10/2002 và yêu cầu chi trả số tiền phụ cấp từ tháng 9/1999 đến tháng 10/2002*”. Sau khi nhận được đơn của ông Thi Văn H, UBND huyện T đã giao các ngành chức năng phối hợp và trả lời đơn của ông H, cụ thể như sau:

Căn cứ nội dung đơn xin giải quyết chế độ nghỉ việc một lần ghi ngày 20/11/2001 (*kèm theo nội dung ký xác nhận về thời gian công tác của UBND xã B*) và tờ khai cấp sổ Bảo hiểm xã hội của ông Thi Văn H ghi ngày 21/11/2001 (*có chữ ký của ông Thi Văn H*) xác định: Từ tháng 9/1999, ông H nghỉ việc chờ giải quyết chế độ; bản xác nhận quá trình tham gia Bảo hiểm xã hội do Bảo hiểm xã hội ký ngày 06/8/2003 xác định từ tháng 02/1992 đến tháng 8/1999 ông Thi Văn H giữ chức vụ Xã đội phó xã B và từ tháng 9/1999 nghỉ việc chờ giải quyết chế độ trợ cấp 01 lần. Đơn xin giải quyết chế độ nghỉ một lần của ông Thi Văn H ký ngày 20/11/2001 xác định thời gian công tác từ tháng 02/1999 đến tháng 8/1999 và thời gian sau tháng 8/1999 không phục vụ công tác nên đề nghị giải quyết chế độ trợ cấp 01 lần. Ngày 29/10/2002, Chủ tịch UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 1306/QĐ-CT về: “*Nghỉ việc để hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội đối với cán bộ xã, phường*” đối với ông Thi Văn H theo quy định (*trên cơ sở đơn của ông Thi Văn H và đề nghị của các cơ quan có liên quan*).

Về chế độ nghỉ việc của ông Thi Văn H: Ngày 05/8/2003, Bảo hiểm xã hội

tỉnh Quảng Nam đã ban hành Quyết định số 33/QĐ-BHXXH-CĐCS về giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với ông Thi Văn H và ông Thi Văn H đã nhận chế độ trợ cấp 01 lần theo quy định.

Từ các căn cứ trên, xác định ông Thi Văn H tham gia công tác và giữ chức vụ Xã đội phó xã B từ tháng 02/1992 đến tháng 8/1999, thời gian được tính để hưởng Bảo hiểm xã hội là 07 năm 07 tháng, được Bảo hiểm xã hội giải quyết chế độ 01 lần số tiền là 2.961.000 đồng và từ tháng 9/1999 ông H không tham gia công tác nên việc ông yêu cầu giải quyết chế độ từ tháng 9/1999 đến tháng 10/2002 là không có cơ sở.

Trong thời gian từ tháng 10/2002 đến tháng 3/2018 (gần 16 năm), UBND huyện T không nhận được nội dung đơn khiếu nại của ông Thi Văn H đối với Quyết định số 1306/QĐ-CT của Chủ tịch UBND huyện T. Đến ngày 20/4/2018, ông H làm đơn khiếu nại thì thời hiệu khiếu nại đã hết nên UBND huyện T căn cứ vào khoản 6 Điều 11 Luật khiếu nại năm 2011 không xem xét giải quyết đơn khiếu nại của ông H.

Ngày 28/02/2019, ông Thi Văn H tiếp tục có đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, trong đơn khởi kiện ông H có trình bày “UBND huyện T tranh thủ thời cơ việc làm sai trái của UBND xã B để kéo dài thời gian để chiếm đoạt tiền lương của ông Thi Văn H là 38 tháng, sau đó ra Quyết định số 1306/QĐ-CT ngày 29/10/2002 chuyển lên Bảo hiểm xã hội và không giao Quyết định cho ông Thi Văn H”. Những ý kiến trình bày của ông H là xuyên tạc, không có cơ sở; đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H.

3. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2019/HC-ST ngày 07 tháng 8 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 3; Điều 7; khoản 4 Điều 32; Điều 116; điểm g khoản 1 Điều 143 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Thi Văn H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1306/QĐ-CT ngày 29/10/2002 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Quảng Nam về việc “*Nghỉ việc để hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội đối với cán bộ xã, phường*”.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Thi Văn H về việc buộc Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Quảng Nam bồi thường thiệt hại quá trình công tác của ông Thi Văn H từ tháng 9/1999 đến nay để trả lương, đóng Bảo hiểm xã hội và phục

chức cho ông H.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên ông Thi Văn H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho ông Thi Văn H và phổ biến quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

4. Kháng cáo:

Tại đơn kháng cáo đề ngày 22/8/2019 và văn bản ý kiến bổ sung đơn kháng cáo đề ngày 28/8/2019, ông Thi Văn H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

5. Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Thi Văn H là người khởi kiện và là người kháng cáo giữ nguyên đơn khởi kiện, đơn kháng cáo; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Quảng Nam đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Các bên đương sự không thể đối thoại được với nhau.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa và các thành viên Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa đều đã được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập đầy đủ, hợp lệ nhưng có đương sự đã có đơn xin xét xử vắng mặt, có đương sự vắng mặt lần thứ hai không có lý do; do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này là đúng quy định tại Điều 225 của Luật Tổ tụng Hành chính.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện việc thu thập, xem xét đầy đủ các chứng cứ, tài liệu làm căn cứ giải quyết vụ án và đã quyết định bác các yêu cầu khởi kiện của ông Thi Văn H là có căn cứ, đúng pháp luật; ông H kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm nhưng không cung cấp thêm được chứng cứ, tài liệu nào mới nên không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính, bác đơn kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm định tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự, của người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự; ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, người

khởi kiện đề nghị Tòa án triệu tập bổ sung thêm một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tại phiên tòa hôm nay có một số người vắng mặt, đây là phiên tòa được mở lần hai, theo đề nghị của các đương sự có mặt và của Kiểm sát viên, HĐXX tiếp tục tiến hành phiên tòa.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Thi Văn H về thời hiệu khởi kiện đối với Quyết định 1306/QĐ-CT ngày 29/10/2002 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Quảng Nam, thì thấy: Tháng 01/1999, Xã đội xã B, huyện T phát hiện mất 04 khẩu súng AR15, Cơ quan điều tra Quân khu 5 và Ban chỉ huy (BCH) Quân sự huyện T triệu tập ông Thi Văn H lúc này đang giữ chức vụ Xã Đội phó để điều tra. Ông H đã bàn giao công tác nên UBND xã B bố trí ông Nguyễn Văn V là Trung đội trưởng Dân quân đảm nhiệm công việc thay ông Thi Văn H. Ngày 30/6/1999, Phòng An ninh của Bộ Tư lệnh Quân khu 5 có Kết luận điều tra số 20-KLĐT về vụ chiếm đoạt, tàng trữ, sử dụng vũ khí quân dụng trái phép xảy ra tại cơ quan Xã đội xã B, huyện T. Kết luận hành vi của ông Thi Văn H đã phạm vào tội "*Tàng trữ vũ khí quân dụng trái phép*" quy định tại Điều 95 Bộ luật hình sự. Nhưng xét tính chất mức độ chưa xảy ra hậu quả nghiêm trọng, ông H đã thấy được việc làm sai trái đã giao súng lại cho ông Phạm Sỹ Quang, đề nghị chính quyền địa phương xử lý hành chính ông H. Do vậy, ngày 03/7/1999, Chủ tịch UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định số 26/QĐ-UB về việc cho cán bộ nghỉ việc với nội dung: Cho ông Thi Văn H nghỉ việc, được hưởng sinh hoạt phí đến hết tháng 8/1999. ông H nhận quyết định này thống nhất không có ý kiến khiếu nại hoặc khởi kiện. Tháng 11/2001, ông Thi Văn H làm đơn xin giải quyết chế độ nghỉ việc một lần với nội dung: "*Do yêu cầu công tác đến nay tôi không phục vụ công tác được nữa. Nay tôi làm đơn này kính đề nghị UBND xã B, UBND huyện T và Phòng bảo hiểm xã hội huyện T cho tôi được nhận trợ cấp nghỉ việc một lần, thời gian công tác từ tháng 02/1992 đến hết tháng 8/1999*". Theo đơn xin giải quyết chế độ nghỉ việc một lần; Tờ khai cấp sổ bảo hiểm xã hội ông H khai thời gian công tác của ông từ tháng 02/1992 đến tháng 8/1999 chức vụ Xã Đội phó xã B, từ tháng 9/1999 ông nghỉ việc chờ giải quyết chế độ. Từ đơn và tờ khai này, ngày 29/10/2002 UBND huyện T ban hành Quyết định số 1306/QĐ-CT "*V/v Nghỉ việc để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội đối với cán bộ xã phường*". Trên cơ sở đó Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Nam đã ban hành Quyết định số 33/QĐ-BHXXH-CĐCS ngày 05/8/2003 đối với ông H tổng thời gian làm việc được tính để hưởng BHXH là 07 năm 07 tháng. Ngày 26/8/2003, ông Thi Văn H đã nhận tiền thanh toán chế độ 01 lần với số tiền 2.961.000đ. Sau khi nhận tiền chế độ 01 lần ông H không có ý kiến khiếu nại, khởi kiện.

[3] Như vậy, tuy ông H cho rằng chưa nhận trực tiếp được Quyết định 1306/QĐ-CT ngày 29/10/2002 của UBND huyện T (Quyết định 1306), nhưng tại

Quyết định số 33/QĐ-BHXX-CĐCS ngày 05/8/2003 của Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Nam (Quyết định 33) đã căn cứ vào Quyết định 1306 để giải quyết chế độ trợ cấp 01 lần cho ông Thi Văn H theo như **“Đơn xin giải quyết chế độ nghỉ việc một lần”** mà ông H đã viết vào ngày 20/11/2001, ông H đã tự nguyện viết đơn và đã biết được điều đó, nên sau khi nhận được **“Giấy báo lĩnh tiền”** ngày 19/8/2003 của Giám đốc bảo hiểm xã hội huyện T, ngày 26/8/2003 ông H viết **“Giấy nhận tiền”** có ghi rõ *“nhận 2.961.000đ về khoản thanh toán chế độ một lần cán bộ xã”*. Trong Giấy báo lĩnh tiền có ghi rõ phải mang theo Quyết định liên quan, như vậy ông H có nhận được Quyết định 33 thì mới nhận được tiền, trong Quyết định 33 có ghi căn cứ vào Quyết định 1306, điều đó đã buộc ông H phải biết được là phải có Quyết định 1306 thì mới có Quyết định 33 và có Quyết định 33 thì ông mới nhận được tiền, nhưng ông H không khiếu nại hoặc khởi kiện các Quyết định trên, mà đồng ý nhận đủ tiền trên từ năm 2003, đến nay đã 16 năm ông H mới khởi kiện là không thể chấp nhận được. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông H đối với Quyết định 1306 là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính, nên HĐXX cấp Sơ thẩm đã đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ. Ông H kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết nào mới, do đó HĐXX cấp phúc thẩm chấp nhận quan điểm đề nghị của VKSND cấp cao tại Đà Nẵng không chấp nhận kháng cáo của ông H. Do thời hiệu khởi kiện đối với Quyết định 1306 đã hết, nên HĐXX không xem xét đến phần nội dung.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận, nên ông Thi Văn H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

1/ Bác kháng cáo của ông Thi Văn H; giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 21/2019/HC-ST ngày 07 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 3; Điều 7; khoản 4 Điều 32; Điều 116; điểm g khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng hành chính; khoản 3 Điều 18, khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Thi Văn H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1306/QĐ-CT ngày 29/10/2002 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Quảng Nam về việc “*Nghỉ việc để hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội đối với cán bộ xã, phường*”.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Thi Văn H về việc buộc Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Quảng Nam bồi thường thiệt hại quá trình công tác của ông Thi Văn H từ tháng 9/1999 đến nay để trả lương, đóng Bảo hiểm xã hội và phục chức cho ông H.

2/ Về án phí hành chính: Ông Thi Văn H phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm. Ông H đã tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000đ theo biên lai số 359 ngày 04/9/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam. Ông H đã nộp đủ tiền án phí.

3/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (14/01/2020).

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Trường